

Bản án số 106/2018/HS-PT
Ngày 22/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Long

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Đức Kỳ

Ông Bùi Trọng Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Đãi Em - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2018/TLPT-HS ngày 28/5/2018 đối với các bị cáo Trần Tuấn D, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Huy H, Lê Thị T1 và Nguyễn Ngọc V do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Trần Tuấn D, sinh ngày 25/01/1979 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 133, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Trần Q (c) và bà Nguyễn Thị C; Có vợ là Nguyễn Thị Phương T (đã ly hôn) và 02 con: con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 25/01/2007 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 02 năm 03 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 29/01/2018, bị Công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi ném đá vào nhà chị Đỗ Thị Kim C trong ngày 19/6/2017. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/3/2018. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Tấn T (NC), sinh ngày 26/4/1993 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 133, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Nguyễn Đ (c) và bà Bùi Thị T; Tiền án: Ngày 19/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà

Năng xử phạt 05 tháng 01 ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Tiền sự: Ngày 18/01/2016, bị Công an phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 06/7/2017, bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/9/2017. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Nguyễn Huy H (Tên gọi khác: không), sinh ngày 19/02/1989; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: đường C, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Nguyễn Văn S (c) và bà Ung Thị N; Có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/12/2017. Có mặt tại phiên tòa.

4/ Nguyễn Ngọc V (Tên gọi khác: không), sinh ngày 24/10/1984 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Nguyễn Văn D (c) và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Lê Thị H và có 02 con: con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 19/6/2017, Lê Thị T1, Nguyễn Ngọc V, Lê Thị Thu V1, Trần Tuấn D và hai nữ thanh niên (không rõ lai lịch) đi vào phòng trọ của chị Đỗ Thị Kim C tại đường T, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn trong việc làm ăn giữa T1, V1 và chị C. Tại đây, hai bên có xảy ra xô xát nhưng không ai bị thương tích gì.

Chiều cùng ngày, T1 và D nhận được điện thoại của một nam thanh niên và chị C gọi đến để hù dọa, khiêu khích. Đến tối cùng ngày, Nguyễn Ngọc V chở T1 qua nhà chị V1 để gặp D, khi vừa đến trước phòng trọ của V1 thì gặp D nên T1 nói với D “họ hẹn đánh nhau ri chắc không ổn, anh xem có ai không điện họ đến giúp với” với mục đích là nhờ D gọi người đi đánh nhau với nhóm chị C. D liên lạc với Nguyễn Tấn T, Nguyễn Huy H, T2 (không rõ lai lịch) để cùng thông báo nội dung “có người hẹn anh đánh nhau, em xuống giúp anh với”. Sau đó, tất cả gặp nhau ở đường số 5 Khu công nghiệp K và thấy Phan Thành L đi cùng T2, T mang theo một con dao dài khoảng 40cm, cán bằng nhựa màu đen, lưỡi dao bằng kim loại. D rủ cả nhóm đi đánh nhau, T, H, V đều đồng ý, T2 và L không có phản ứng gì. Sau đó, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wavr, màu đỏ, biển kiểm soát 43L1 – 0686 đi một mình phía trước, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K4 – 9816 chở T, T2 và L đi cùng một xe (không rõ đặc điểm) và V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade (mượn của một người bạn mới quen tên Đ ở Quảng Nam) đi một mình phía sau.

Trên đường đi, D dừng lại nhặt một cây tuýp, dài khoảng 60cm – 80cm tại vỉa hè đường số 5 Khu công nghiệp để làm hung khí. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước phòng trọ của chị C thì có anh Nguyễn Đức C cùng với anh Nguyễn Văn X, chị Đỗ Thị Kim C và hai nam thanh niên (không rõ lai lịch) đang ngồi nhậu. D và T cầm hung khí, đi bộ vào trong, những người còn lại dừng xe, đứng bên ngoài, cách phòng trọ khoảng 10m. D lấy điện thoại ra gọi vào số điện thoại trước đó gọi khiêu khích thì thấy điện thoại trước mặt anh C đổ chuông. D hỏi “hồi nãy mi điện cho tao phải không?”, anh C trả lời “không phải tao”. D cầm cây tuýp bằng tay phải, đánh vào vùng sườn của anh C một nhát. Anh C nói “mi đánh nhầm người rồi” và đứng dậy đi ra chỗ khác. Lúc này, T cầm dao lao vào chém về phía người anh C 03 nhát, anh C giơ tay trái lên đỡ nên bị chém vào vùng bàn tay, còn V và H đi theo để hỗ trợ và tham gia đánh khi cần thiết, nhưng do thấy anh C không chống cự, tay chảy nhiều máu nên không đánh tiếp mà cùng cả nhóm lên xe bỏ trốn khỏi hiện trường. Sau đó, anh C được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đà Nẵng. Trên đường đi về, D vứt cây tuýp ở bãi rác gần đó, T mang con dao gây án về phòng V1 cất giấu, sau đó để lấy con dao vứt tại bãi đất trống trên đường N, thành phố Đà Nẵng (hiện không thu được tang vật). Sau khi sự việc xảy ra, V có gặp và kể cho T1 biết cả nhóm có gây thương tích cho một nam thanh niên tại trước phòng trọ của chị C.

Theo Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 240/TgT ngày 19/7/2017 của Trung tâm Pháp y sở y tế thành phố Đà Nẵng kết luận anh Nguyễn Đức C bị thương tích với tỷ lệ thương tích 22%.

Tại Bản án sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã quyết định:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Trần Tuấn D 03 (Ba) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 15/3/2018.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Nguyễn Tấn T 03 (Ba) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/9/2017.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt: Nguyễn Huy H 01 (Một) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 23/12/2017.

Xử phạt: Lê Thị T1 09 (Chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt: Nguyễn Ngọc V 09 (Chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự; phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 04/05/2018, bị cáo Trần Tuấn D có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử 3 năm tù là quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/05/2018, bị cáo Nguyễn Tấn T có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử 3 năm tù là quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/05/2018, bị cáo Nguyễn Huy H có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử 1 năm tù là quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình.

Ngày 08/05/2018, bị cáo Nguyễn Ngọc V có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử 09 tháng tù là nặng, bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, chỉ đi theo cùng các bị cáo khác và đứng ngoài; bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 08/05/2018, bị cáo Lê Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử 09 tháng tù là nặng, đã ăn năn hối hận về hành vi và việc làm của mình; đã tích cực cùng các bị cáo khác bồi thường cho bị hại, hiện là phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 20/06/2018, bị cáo Lê Thị T1 có đơn xin rút đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Tuấn D, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Huy H, Nguyễn Ngọc V theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị xem xét. Riêng bị cáo Lê Thị T1 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T1.

Về nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thì Kiểm sát viên cho rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xử phạt các bị cáo Trần Tuấn D, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Huy H, Lê Thị T1, Nguyễn Ngọc V về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015 và xử phạt các bị cáo với mức án D 3 năm tù, T 3 năm tù, H 1 năm tù và V 9 tháng là có căn cứ, đúng pháp luật, không nặng và phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Sau khi xử sơ thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới đề nghị xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, y án sơ thẩm.

Các bị cáo Trần Tuấn D, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Huy H, Lê Thị T1, Nguyễn Ngọc V vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xuất phát từ việc giữa Lê Thị T1 và chị Đỗ Thị Kim C có mâu thuẫn với nhau trong việc làm ăn trước đó nên trưa ngày 19/06/2017 Lê Thị T1, Trần Tuấn D, Nguyễn Ngọc V, Lê Thị Thu V1 cùng với 2 nữ thanh niên (không rõ lai lịch) đến phòng trọ của chị Đỗ Thị Kim C tại đường T, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn và tại đây có xảy ra cãi lộn và xô xát. Đến chiều cùng ngày, các bị cáo T1 và D nhận được điện thoại của một nam thanh niên và chị C gọi đến để hù dọa, khiêu khích đánh nhau. Nên tối cùng ngày, T1 đã gặp D nhờ đi đánh nhóm của chị Đỗ Thị Kim C. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, D cùng với Nguyễn Tấn T, Nguyễn Huy H, Nguyễn Ngọc V, Phan Thành L và T2 đến phòng trọ của chị C; trước khi đi T có chuẩn bị sẵn một con dao dài khoảng 40cm; còn Trần Tuấn D trên đường đi có nhặt một cây tuýp sắt dài khoảng 60cm – 80cm. Tại nhà trọ của chị C; bị cáo D đã dùng tuýp sắt đánh một cái vào sườn của anh Nguyễn Đức C; còn bị cáo T cầm dao chém về phía anh C 03 nhát, anh C giơ tay trái lên đỡ nên bị chém vào vùng bàn tay, hậu quả bị thương tích với tỷ lệ 22%; còn V và H đứng ngoài cảnh giới và hỗ trợ cho đồng bọn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo D, T, H và V đều thừa nhận hành vi phạm tội như trên, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội tại địa phương. Xét đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo T1 là người khởi xướng ra vụ việc; bị cáo D và T là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại; bị cáo H và V là người đồng phạm giúp sức đi theo để hỗ trợ các bị cáo khác. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả của vụ án.

Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã xét xử các bị cáo Trần Tuấn D, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Huy H, Lê Thị T1 và Nguyễn Ngọc V về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Tuấn D, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Huy H thì thấy: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo; trong đó xác định bị cáo D và T phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án, bị cáo D có nhân thân xấu đã từng có tiền án; bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, có nhiều tiền sự nên D và T phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác; Tòa sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng và đã xét đến nhân thân, hoàn cảnh của từng bị cáo để xử phạt D 3 năm tù, T 3 năm tù là phù hợp, không nặng. Riêng đối với bị cáo H phạm tội ở vai trò giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án tiền sự nên Tòa sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H 1 năm tù là mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thỏa đáng, phù hợp và không nặng. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nào nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo D, T và H, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo này.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Ngọc V phạm tội ở vai trò giúp sức không đáng kể, chỉ đi theo để hỗ trợ các bị cáo khác, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại, Tòa sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù là phù hợp; Tuy nhiên, xét sau khi xử sơ thẩm bị cáo cung cấp bằng chứng thể hiện bị cáo đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự, mặc dù Tòa cấp sơ thẩm không buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại nhưng bị cáo đã cùng với bị cáo T1 tự nguyện hỗ trợ cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng; đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét, áp dụng cho bị cáo; hơn nữa xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, lần đầu phạm tội, nhân thân chưa có tiền án tiền sự; bị cáo có công việc và nơi cư trú ổn định nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương nơi cư trú, đồng thời ấn định cho bị cáo một thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Việt Nam. Do vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo V, sửa một phần bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo V được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Lê Thị T1, sau khi xử sơ thẩm có đơn kháng cáo, ngày 20/06/2018 trước ngày mở phiên tòa phúc thẩm có đơn xin rút đơn kháng cáo; việc rút đơn kháng cáo là tự nguyện nên HĐXX căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T1.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Trần Tuấn D, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Huy H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do được chấp nhận kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Thị T1.

2/ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Tuấn D, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Huy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: **Trần Tuấn D** 03 (Ba) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 15/3/2018.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: **Nguyễn Tấn T** 03 (Ba) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/9/2017.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: **Nguyễn Huy H** 01 (Một) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 23/12/2017.

3/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc V sửa một phần bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo Nguyễn Ngọc V được hưởng án treo.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: **Nguyễn Ngọc V** 09 (Chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc V về cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu bị cáo Nguyễn Ngọc V cố ý vi phạm nghĩa vụ thi hành án phạt tù cho hưởng án treo 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo Nguyễn Ngọc V phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4/ Về án phí: Các bị cáo Trần Tuấn D, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Huy H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

5/ Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- CQCSĐT Công an quận Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Sơ tư pháp Tp. Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Long